

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 3	Lũy kế	Quý 3	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	177.524.247.538	560.022.710.600	276.594.213.597	565.754.898.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.654.327.859	2.813.139.272	930.339.793	1.094.899.882
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	175.869.919.679	557.209.571.328	275.663.873.801	564.659.998.123
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	138.472.242.088	410.913.685.884	191.231.103.966	379.109.100.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.397.677.591	146.295.885.444	84.432.769.835	185.550.897.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.702.219.423	28.272.923.908	19.493.466.820	56.841.192.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.227.165.666	16.475.549.678	17.082.619.907	55.899.171.910
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.642.561.613	32.808.361.399	13.660.942.052	26.535.630.754
8. Chi phí bán hàng	24		21.578.299.677	56.908.348.651	20.992.908.950	50.850.487.881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.423.123.483	52.128.796.433	15.898.482.051	49.320.083.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.128.691.812)	49.056.114.590	49.952.225.747	86.322.346.534
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.596.390.184	5.209.423.422	63.917.373.500	65.974.947.595
12. Chi phí khác	32		1.462.472.629	5.866.125.770	1.804.536.933	5.283.319.476
13. Lợi nhuận khác	40		133.917.555	(656.702.348)	62.112.836.567	60.691.628.119
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		1.957.511.646	(1.103.417.127)	352.764.819	(5.658.631.680)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(5.037.262.611)	47.295.995.115	112.417.827.133	141.355.342.973
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	558.792.471	12.116.968.673	28.438.327.900	35.947.037.402
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62			488.601.265		184.623.786
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(5.596.055.082)	34.690.425.177	83.979.499.173	105.223.681.785
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(3.134.658.765)	(7.442.933.891)	(329.749.217)	(1.561.762.329)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		(2.461.396.317)	42.133.359.068	84.309.248.392	106.785.444.114
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 11 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thành Hưng

Nguyễn Quang Tín

Trần Minh Phú